

HTÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 284/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Hện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Hện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn Làng B, xã X, Huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Văn A, sinh năm 1988, địa chỉ: Thôn Làng S, xã X, Huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn A lấy nhau do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương từ năm 2007, nhưng đến ngày 05/11/2013 mới làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X. Sau khi

kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm, thì tình cảm giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Anh không tôn trọng chị, hay chửi bới và xúc phạm chị. Do không thể chịu đựng được, nên từ tháng 8/2021 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở. Vợ chồng đã sống ly thân được hơn 1 năm, nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 02 con chung là các cháu Phạm Văn D, sinh ngày 09/9/2008 và Phạm Quang H, sinh ngày 29/8/2012; Hiện tại cháu H đang ở với chị, còn cháu D đang ở với anh Anh. Ly hôn, quan điểm của chị là để mỗi người đều được trực tiếp nuôi con, chị xin được trực tiếp nuôi cháu H, còn cháu D đang ở với anh Anh, nên chị đề nghị giao anh Anh được trực tiếp nuôi; Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị T xác định vợ chồng tự chia, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Văn A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Tại bản tự khai ngày 29/8/2022 cháu Phạm Văn D trình bày ý kiến thể hiện nguyện vọng xin được ở với bố (anh Phạm Văn A); Bản tự khai ngày 20/6/2022 cháu Phạm Quang H trình bày ý kiến thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ (chị Lê Thị T).

Tại biên bản xác minh lập ngày 01/7/2022 ông Phạm Văn Trầu (là bố đẻ anh Phạm Văn A) cho biết: Vợ chồng chị Lê Thị T và anh Phạm Văn A có 02 con chung là cháu Phạm Văn D và Phạm Quang H; cháu D hiện đang ở với anh Anh tại nhà riêng của vợ chồng hai cháu Anh T, còn cháu H đang ở với chị T. Quá trình chị T và anh Anh chung sống với nhau thì giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cụ thể thế nào thì ông bà không biết; chị T đã đi làm ở xa từ nhiều năm nay, thỉnh thoảng mới về nhà, ban đầu chỉ mình chị T đi làm, nhưng thời gian gần đây anh Anh cũng đi làm ở xa, khoảng 2 đến 3 tuần mới về nhà một lần, cứ ít ngày lại đi làm. Lần anh Anh về nhà gần đây là khoảng 7 đến 8 ngày. Các lần Tòa án gửi giấy báo cho anh Anh, gia đình đều đã gửi lại giấy cho anh Anh.

Tại biên bản xác minh lập ngày 29/8/2022, đại diện UBND xã X cho biết: Anh Phạm Văn A cùng với con trai là Phạm Văn D hiện tại đang sinh sống tại thôn Làng Sung, xã X, Huyện T. Anh Phạm Văn A đang đi làm lao động tự do tại tỉnh Nghệ An, thỉnh thoảng mới về nhà thăm gia đình; Cháu D ở nhà với ông bà nội (ông Phạm Văn Trầu) và đang học lớp 9 trường THCS Xuân Phú. Theo gia đình thông tin thì lần gần nhất anh Anh về nhà đã cách đây khoảng 2 tháng, anh Anh có biết việc chị T đang đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng vì lý do anh Anh bận công việc, nên không đến Tòa án làm việc được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn A; Về con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, T giao con chung là cháu Phạm Văn D, sinh ngày 09/9/2008 cho anh Phạm Văn A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Phạm Quang H, sinh ngày 29/8/2012 cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn A không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Lê Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị T khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Phạm Văn A, cư trú tại: Thôn Làng Sung, xã X, Huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Thọ Xuân.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; nguyên đơn là chị Lê Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Phạm Văn A là hôn nhân hợp pháp, anh chị tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/11/2013. Trong quá trình vợ chồng chung sống với nhau, tình cảm giữa vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 10 năm, thì bắt đầu phát sinh những mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình và công việc; giữa vợ chồng không còn có sự tin tưởng, tôn trọng và chia sẻ với nhau, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Từ tháng 8/2021 chị T về sinh sống cùng bố mẹ đẻ; vợ chồng đã ly thân đến nay, không còn qua lại quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị T một mực đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, còn anh Anh đã biết được Tòa án

đang thụ lý giải quyết quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm, cũng như tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa, điều đó thể hiện anh Anh không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Anh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị T, xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn A.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn A có 02 con chung là các cháu Phạm Văn D, sinh ngày 09/9/2008 và Phạm Quang H, sinh ngày 29/8/2012.

Xét quá trình giải quyết vụ án, chị T có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên vợ chồng mỗi người đều được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung, cụ thể: Chị T xin được trực tiếp nuôi cháu H; đề nghị giao cháu D cho anh Anh trực tiếp nuôi dưỡng. Thực tế hiện tại trong 02 con chung của vợ chồng thì cháu H cũng đang ở ổn định với chị T, còn cháu D đang ở ổn định với anh Anh; hơn nữa các con chung đều đã trên 7 tuổi, có thể hiện nguyện vọng như sau: cháu D xin được ở với bố (anh Anh), cháu H xin ở với mẹ (chị T). Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, tránh không làm xáo trộn cuộc sống và sinh hoạt của con, cần thiết giao con chung là cháu D cho anh Anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung là cháu H cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, như vậy là phù hợp với nguyện vọng của con và quy định của pháp luật. Do chị T và anh Anh mỗi người đã trực tiếp nuôi 01 con chung và không có yêu cầu cấp dưỡng, do đó không ai phải cấp dưỡng.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Chị T có ý kiến đề vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Anh không có lời khai trong hồ sơ. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn A.

2. *Về con chung*: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn A có 02 (hai) con chung là các cháu Phạm Văn D, sinh ngày 09/9/2008 và Phạm Quang H, sinh ngày 29/8/2012.

Giao con chung là cháu Phạm Văn D cho anh Phạm Văn A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao con chung là cháu Phạm Quang H cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn A không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị T đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014284 ngày 09/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Thọ Xuân. Như vậy, chị Lê Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Hện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS Hện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến